TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1677/2018/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 15 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1518/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lương Quang C, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Số 496/46/7 đường Dương Quảng Hàm, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Số 496/46/7 đường Dương Quảng Hàm, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa anh Lương Quang C và chị Lê Thị Ngọc L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172, Quyển số I, ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 18/10/2018 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/11/2018, anh C và chị L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hàng tháng anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000 (Ba triệu) đồng (Mỗi con 1.500.000 đồng/tháng),

bắt đầu thi hành từ tháng 11/2018 cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị L và anh C đã thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Lương Quang C và chị Lê Thị Ngọc L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 172, Quyển số I, ngày 31/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre hết hiệu lực.

- Về con chung: Chị L là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên là: Lương Quang V, sinh ngày 27/10/2009 và Lương Hoàng L, sinh ngày 07/7/2012; hàng tháng anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con là 3.000.000 (Ba triệu) đồng (Mỗi con là 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng/tháng), bắt đầu thi hành từ tháng 11/2018 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh C và chị L phải chịu lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0001429 ngày 29/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp, TP.HCM;
- UBND xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thị Mộng Tuyền